

TÁC GIA NGUYỄN TUÂN NGƯỜI LÁI ĐÒ SÔNG ĐÀ

MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

1. Về tác gia Nguyễn Tuân, nắm được những vấn đề cơ bản: Tiểu sử - Con người - Quá trình sáng tác và các đề tài chính - Phong cách nghệ thuật.
2. Về tùy bút “*Người lái đò sông Đà*”, cảm nhận được giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật của tác phẩm:
 - 2.1/ Giá trị nội dung:
 - Cảm nhận được sông Đà hiện lên như một nhân vật sống động có cá tính, tính cách: vừa “*hung bạo*”- dữ dội, vừa “*trữ tình*” - giàu chất thơ.
 - Cảm nhận được vẻ đẹp của con người Tây Bắc tài trí, dũng cảm qua hình tượng người lái đò vượt thác sông Đà.
 - 2.2/ Giá trị nghệ thuật:

Thấy được sự độc đáo, tài hoa, uyên bác, sự giàu có của chữ nghĩa Nguyễn Tuân và phần nào phong cách nghệ thuật của nhà văn qua đoạn trích.
3. Rèn luyện kỹ năng phân tích, bình giảng một tác phẩm tùy bút.

A. TÁC GIA NGUYỄN TUÂN

I. TIỂU SỬ:

- 1910 – 1987. Quê: làng Nhân Mục, Thanh Xuân, Hà Nội.
 - Xuất thân trong một gia đình nhà nho khi Hán học đã tàn.
 - Một lần bị đuổi học vì tham gia bãi khóa phản đối giáo viên Pháp nói xấu Việt Nam.
- Hai lần bị bắt giam vì “xê dịch” qua Thái Lan không có giấy phép và giao du với những người hoạt động chính trị.
- Sau cách mạng tháng Tám, 1945, tham gia cách mạng, trở thành cây bút tiêu biểu của nền văn học mới.
 - Từ 1948, giữ chức Tổng thư ký Hội Văn nghệ Việt Nam.
 - Ông là một nghệ sĩ lớn, một nhà văn hóa lớn. Năm 1996, được Nhà nước tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật.

II. CON NGƯỜI: Con người Nguyễn Tuân có bốn đặc điểm:

1. **Đặc điểm 1:** *Nguyễn Tuân là một trí thức giàu lòng yêu nước và tinh thần dân tộc.*
 - Ông gắn bó với các giá trị văn hóa cổ truyền của dân tộc (tiếng mẹ đẻ, các kiệt tác văn chương, nhạc điệu dài của các thể ca trù, các làn điệu dân ca tha thiết của ba miền).
 - Ông say mê cảnh sắc của quê hương đất nước.
 - Ông thích những thú chơi tao nhã của trí thức nho gia sinh bất phùng thời (uống trà, nhắm rượu, chơi hoa, chơi chữ đẹp, đánh thơ, thả thơ).
 - Ông thích những món ăn truyền thống thể hiện khẩu vị tinh tế của người Việt.

2. **Đặc điểm 2:** *Nguyễn Tuân là một con người có ý thức cá nhân phát triển rất cao:*

- Ông quan niệm: “Đời là một trường du hí”, sống là chơi mà viết cũng là chơi, viết là một hình thức chơi văn độc đáo, đẩy việc chơi đến đỉnh cao - chơi một cách nghệ thuật; viết trước hết là để khẳng định cá tính độc đáo mình.

- Ông ham du lịch, nâng niềm ham thích này thành lí thuyết – “*chủ nghĩa xê dịch*”, với lối sống tự do, phóng túng, vượt quá khuôn khổ chế độ thuộc địa đương thời.

3. Đặc điểm 3: Nguyễn Tuân là con người rất mực tài hoa, uyên bác:

- Là nhà văn nhưng ông am hiểu nhiều môn nghệ thuật khác: hội họa, điêu khắc, sân khấu, điện ảnh. Ông là một diễn viên kịch nói có tài, là một trong những diễn viên điện ảnh đầu tiên của nước ta.

- Ông biết vận dụng con mắt của nhiều ngành văn hóa, nghệ thuật khác để tăng cường khả năng quan sát, biểu hiện thế giới của nghệ thuật ngôn từ.

- Vốn tri thức của ông sâu rộng, bề thế, giàu chất tài hoa nghệ sĩ. Vì thế, ngòi bút ông đã vẽ nên bức tranh đời sống, con người một cách chân xác, đầy “sinh sắc”, ngay cả những nơi mà ông chưa từng tới.

4. Đặc điểm 4: Nguyễn Tuân là nhà văn biết quý trọng nghề nghiệp văn chương:

- Ông quan niệm lao động nghệ thuật là hình thức lao động nghiêm túc, thậm chí “khô hạnh”.

- Ông trân trọng nghề viết là để trân trọng độc giả, trân trọng chính mình.

- Ông dứt khoát phân biệt nghề văn với thói con buôn vụ lợi – theo ông, ở đâu có đồng tiền phàm tục, ở đó không thể có cái đẹp.

III. SỰ NGHIỆP SÁNG TÁC:

1. Quá trình sáng tác và các đề tài chính:

1.1/ Quá trình sáng tác:

- Nguyễn Tuân thử bút qua nhiều thể loại: thơ, bút kí, truyện ngắn hiện thực trào phúng.

- Năm 1938, ông nhận ra sở trường tùy bút, bắt đầu có những tác phẩm thành công xuất sắc: *Một chuyến đi* (1938), *Vang bóng một thời* (1939), *Thiếu quê hương* (1940), *Chiếc lư đồng mắt cua* (1941),...

- Sau Cách mạng tháng Tám, ông vẫn tiếp tục khai thác thể mạnh của tùy bút và có một số tùy bút nổi tiếng: “*Sông Đà*” (1960), “*Hà Nội ta đánh Mỹ giỏi*” (1972).

1.2/ Những đề tài chính:

1.2a/ Trước cách mạng tháng Tám: 3 đề tài chính:

1.2a1/ Đề tài 1: *Vẻ đẹp vang bóng một thời*:

- **Cảm hứng:** được khơi nguồn từ những vẻ đẹp trong quá khứ còn vương sót lại trong hiện tại.

- **Đối tượng miêu tả:** phong tục; thú tiêu dao - hưởng lạc lành mạnh và tao nhã; cách ứng xử đầy nghi lễ.

- **Giá trị:** phát hiện đầy trân trọng về chất tài hoa nghệ sĩ của lớp nhà nho xưa trong đời sống văn hóa, sinh hoạt hàng ngày, thể hiện tình yêu, niềm tự hào truyền thống văn hóa dân tộc.

- **Tác phẩm:** *Vang bóng một thời*, *Tóc chị Hoài*.

1.2a2/ Đề tài 2: *Chủ nghĩa xê dịch*:

- **Nguồn gốc:** lí thuyết từ phương Tây.
- **Nội dung:** viết về bước chân của cái tôi lãng tử, thích tìm cảm giác mới lạ qua những miền quê, trong đó hiện ra cảnh sắc và phong vị quê hương, biểu hiện thái độ bất mãn với hiện thực xã hội “ôi a ba phường”(một sân khấu hề kịch) để thể hiện lòng yêu nước, tinh thần dân tộc qua những “*trang hoa*”, “*tờ hoa*” về phong cảnh với những khám phá thú vị, bất ngờ.

- **Tác phẩm:** *Một chuyến đi, Thiếu quê hương, ...*

1.2a3/ **Đề tài 3: Đời sống trụy lạc:**

- **Nội dung:** Ghi lại quãng đời do hoang mang, bế tắc, cái tôi lãng tử đã lao vào rượu, thuốc phiện và hát cô đầu, qua đó thấy hiện lên tâm trạng khủng hoảng, niềm khao khát vươn tới cái thanh tao, tinh khiết của lớp thanh niên đương thời.

- Tác phẩm: *Chiếc lư đồng mắt cua, Ngọn đèn dầu lạc, ...*

1.2b/ **Sau cách mạng tháng Tám:**

- Tiếp tục đề tài chủ nghĩa xê dịch.
- **Động lực:** lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, phục vụ cuộc chiến đấu của dân tộc, theo sát từng nhiệm vụ của đất nước.

- **Mục đích:** “*đi tìm cái thú vàng của màu sắc sông núi*”, “*phát hiện cái thú vàng mười mang sẵn trong tâm trí*” của các tầng lớp nhân dân đang lao động dựng xây, chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

- **Hình tượng nghệ thuật trung tâm:** Nhân dân lao động và người chiến sĩ vũ trang vừa dũng cảm - anh hùng, vừa tài hoa - nghệ sĩ.

- **Nội dung:** tôn vinh tâm vóc, vị thế một dân tộc có văn hóa, sinh ra trên mảnh đất có bề dày lịch sử, ngàn năm văn hiến; nhuận sắc cho vẻ đẹp của con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam.

2. Phong cách nghệ thuật:

- **Nhận định chung:** phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân có thể thu tóm trong một chữ **ngông**.

NGÔNG là đem cái tài hoa, lịch lãm (từng trải và hiểu biết) và nhân cách hơn người để đặt mình lên trên thiên hạ.

Người chơi ngông thường thích những cái độc đáo không giống ai, đem cái tài hoa, lịch lãm và nhân cách của mình ra để làm những việc khác đời, ngược đời, bất bình thường nhằm khinh đời, nhạo thế.

NGUYỄN TUÂN CHƠI NGÔNG bằng văn chương. Ông luôn bản khoăn: viết là phải viết cái gì cho khác lạ (đề tài, kết cấu, nhân vật, cách hành văn, sáng tạo hình ảnh, dùng từ, đặt câu...). Do vậy, văn ông là văn khoe tài hoa, uyên bác.

- **Cơ sở:** + Ông muốn đối lập với môi trường thị dân tầm thường ngày xưa.

- + Ông muốn khẳng định văn cách, cá tính của chính mình.

- + Ông muốn kế thừa truyền thống chơi ngông trong văn chương của những bậc tiền bối (Nguyễn Công Trứ, Tú Xương, Tản Đà,...).

- **Phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân có 3 đặc điểm sau:**

2.1/ **Đặc điểm 1: Văn Nguyễn Tuân thể hiện sự tài hoa uyên bác:**

2.1a/ **Tài hoa:**

- + **Cơ sở:** xuất phát từ quan niệm: một tác phẩm viết ra cần phải có cái độc đáo, khác đời.

+ **Biểu hiện:** Nguyễn Tuân tiếp cận đối tượng ở phương diện văn hóa, mỹ thuật. Theo ông, không chỉ những người hoạt động trong lĩnh vực nghệ thuật mới là nghệ sĩ, mà bất kể ai, làm nghề gì, nếu biết nâng công việc của mình lên một cách phi thường, siêu phàm, độc đáo thì đều là nghệ sĩ. Bởi vậy, ông phát hiện chất “*vàng mười*” trong những con người, những công việc tưởng như rất bình thường, dung dị; ông tiếp cận thiên nhiên như một tuyệt tác nghệ thuật của tạo hóa, vừa kì vĩ, vừa nên thơ quen thuộc.

2.1b/ Uyên bác:

+ Nguyễn Tuân vận dụng tri thức của nhiều ngành nghệ thuật, nhiều lĩnh vực đời sống để miêu tả đối tượng.

+ Tác phẩm của ông giàu thông tin, giàu giá trị tư liệu nhờ lối viết bới lông tìm vết, khám phá đối tượng tới sơ cùng thùy tận.

2.2/ Đặc điểm 2: Văn Nguyễn Tuân hứng thú đặc biệt trước những cảnh tượng gây ấn tượng mạnh với giác quan nghệ sĩ:

+ **Cơ sở:** xuất phát từ quan niệm: sống hay viết cũng không chấp nhận những gì phẳng lặng, dễ dãi, chung chung, nhàn nhạt, đơn chiều; luôn thêm khát những cảm giác mạnh, hứng thú với những cái đẹp tuyệt vời hoặc tuyệt đỉnh dữ dội.

+ Biểu hiện:

Cảm quan Nguyễn Tuân sắc nhọn, phong phú.

Đối tượng Nguyễn Tuân miêu tả giàu ấn tượng.

2.3/ Đặc điểm 3: Văn Nguyễn Tuân giàu có về chữ nghĩa:

+ **Cơ sở:** xuất phát từ quan niệm: viết văn là dốc cạn kho tàng chữ nghĩa để chạy đua cùng tạo hóa, để khoe chữ.

+ Biểu hiện:

Vốn từ vựng phong phú.

Hình ảnh mới lạ, ấn tượng, giàu sức biểu cảm nhờ liên tưởng chính xác, tài hoa.

Câu văn co duỗi nhịp nhàng, giàu nhạc điệu, vừa đỉnh đặc, cổ kính, vừa trẻ trung, hiện đại;

Sử dụng sắc cạnh các biện pháp tu từ, tạo khoái cảm thẩm mỹ cho người đọc.

***Với 3 đặc điểm trên, tùy bút là sở trường của Nguyễn Tuân.**

+Khái niệm về thể loại tùy bút:

Tùy bút thuộc thể kí, dạng có tính chất trung gian: vừa có tính chất kí (ghi chép), vừa có chất thơ (trữ tình), vừa mang màu sắc triết học trong tư duy.

Tùy bút là dạng văn tự do, tùy hứng nhưng cũng không quá phóng túng. Nguyên tắc kết cấu của tùy bút là *vừa tán, vừa tụ*. Bề mặt thì tản mạn, lấp ghép, chắp vá, nhưng bề sâu thì nhất quán về ý nghĩa, tư tưởng, chủ đề.

+**Tùy bút Nguyễn Tuân:** là đỉnh cao của tùy bút Việt Nam, thể hiện một cái tôi tài hoa, uyên bác, vừa hướng nội, vừa hướng ngoại, có sự nhất quán qua những sáng tác trước và sau Cách mạng tháng Tám.

B. TÙY BÚT “NGƯỜI LÁI ĐÒ SÔNG ĐÀ”

1. Hoàn cảnh sáng tác:

- 1958-1960: Cuộc vận động đi xây dựng kinh tế mới trên quê hương miền Bắc.
- Năm 1958, Nguyễn Tuân đi thực tế ở Tây Bắc với mục đích “*đi tìm cái thứ vàng của màu sắc sông núi Tây Bắc, và nhất là cái thứ vàng mười mang sẵn trong tâm trí tất cả những con người ngày nay đang nhiệt tình gắn bó với công cuộc xây dựng cho Tây Bắc thêm sáng sủa, tươi vui và vững bền*”. Tập tùy bút “*Sông Đà*”, gồm 15 bài tùy bút tài hoa, uyên bác, đậm đà cảm hứng lãng mạn, được ra đời năm 1960 nhằm **ngợi ca phong cảnh Tây Bắc uy nghiêm, hùng vĩ, thơ mộng, trữ tình, và con người Tây Bắc dũng cảm, cần cù trong lao động**.
- Bài tùy bút “*Người lái đò sông Đà*” (lúc đầu có tên là “*Sông Đà*”) rút từ tập tùy bút “*Sông Đà*”, là tác phẩm tiêu biểu nhất của tập tùy bút.

2. Giá trị tác phẩm: Tùy bút *Người lái đò sông Đà* vừa có giá trị thông tin, tư liệu, vừa có giá trị văn chương.

2.1/ Giá trị thông tin, tư liệu: Cung cấp những hiểu biết chân xác, lí thú về sông Đà:

- Lịch sử sông Đà.
- Địa thế đặc biệt của sông Đà.
- Phong cách vượt thác của người lái đò.
- Lịch sử đấu tranh của nhân dân Tây Bắc.
- Sự chuẩn bị của nhà nước để chinh phục sông Đà.

2.2/ Giá trị văn chương (các đề thi hướng tới):

- 2.2a/ Hình tượng sông Đà như một sinh thể sống động với những nét tính cách đối lập mà thống nhất: hung bạo, dữ dội, hùng vĩ nhưng cũng không kém dịu dàng, êm đềm, trữ tình.
- 2.2b/ Hình tượng người lái đò dũng cảm, tài hoa, vừa là một dũng sĩ, vừa là một nghệ sĩ trong nghệ thuật leo ghềnh vượt thác.
- 2.2c/ Dấu ấn phong cách Nguyễn Tuân trong tùy bút “*Người lái đò sông Đà*”.

3. Chủ đề: Tùy bút *Người lái đò sông Đà* ca ngợi con sông Đà và người lái đò sông Đà, thể hiện tình yêu thiên nhiên, đất nước, con người Việt Nam và niềm tin yêu dạt dào của Nguyễn Tuân vào cuộc sống mới.

C. ĐỀ BÀI LUYỆN TẬP CHUNG

Phân tích tùy bút “*Người lái đò sông Đà*” để làm rõ phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân.

NỘI DUNG GIẢI QUYẾT:

I. Mở bài:

Là một nhà văn mang lí tưởng “DUY MỸ”, Nguyễn Tuân đã có nhiều đóng góp cho nền văn học Việt Nam hiện đại. Ở “*Chữ người tử tù*” (1939), ông đã hội nhập hai yếu tố MỸ và DỮNG dưới ánh sáng THIÊN LƯƠNG qua hình tượng Huân Cao. Đến “*Người lái đò sông Đà*” (1960), ông đã hội nhập hai yếu tố TRÍ DỮNG và TÀI HOA qua hình tượng người lái đò trên sông nước Đà giang. Ngay từ cái tên của bài tùy bút (*Người lái đò sông Đà*), ông đã ulla vào ta một liên tưởng kép: Nguyễn Tuân xưng tụng người lái đò tài hoa trí dũng trên dòng sông thiên nhiên bạo liệt; còn ngôn ngữ Nguyễn Tuân thì ulla nhau xưng tụng tác giả của nó như một

ông lái bậc thầy lái con thuyền chữ trên dải sông văn không kém thác ghềnh. Như vậy, **tùy bút này là một sự song hành của bài ca lao động và bài ca ngôn từ đi đến cái đẹp**. Tất cả chữ nghĩa trong kho từ vựng Việt đều là những vật liệu tĩnh lặng, nhưng với tài nghệ Nguyễn Tuân, chúng đã thành chất liệu động và nóng, phập phồng sự sống. Có thể xem bài tùy bút sông Đà này là một minh chứng về phong cách nghệ thuật Nguyễn Tuân.

II. Thân bài:

1. Lời đề từ:

Mở đầu tùy bút, Nguyễn Tuân chọn hai dòng thơ của hai tác giả khác để làm lời đề từ cho tác phẩm:

- Nhà thơ Ba lan Wladyslaw Broniewski: *“Đẹp vậy thay tiếng hát trên dòng sông”*. Đây là lời cảm thán về vẻ đẹp nên thơ, thi vị của các dòng sông, hé mở vẻ đẹp trữ tình của sông Đà và sức sống của con người lao động trên môi trường sông nước.

- Nhà thơ Nguyễn Quang Bích: *“Chúng thủy giai đông tẩu - Đà giang độc bắc lưu”*. Mọi dòng sông đều chảy về hướng đông, riêng sông Đà thì chảy về hướng bắc. Cái thế chảy độc đáo, nghịch ngược rất “ngông” của thiên nhiên đã được Nguyễn Tuân tìm thấy, đồng cảm, hé mở cái cá tính ưa *“làm mình làm mẩy”* của sông Đà hùng vĩ, dữ dội.

Như vậy, đối tượng mà Nguyễn Tuân hướng đến là thiên nhiên và con người, là *“cái thứ vàng của màu sắc sông núi Tây Bắc”*, là *“cái thứ vàng mười mang sẵn trong tâm trí tất cả những con người đang nhiệt tình gắn bó với công cuộc xây dựng cho Tây Bắc thêm sáng sủa, tươi vui và vững bền”*. Tùy bút *“Người lái đò sông Đà”* là một trong mười lăm bài tùy bút được in trong tập tùy bút *“Sông Đà”* (1960), là một trong những tác phẩm ra đời trong bối cảnh trên quê hương miền Bắc đang có cuộc vận động đi kinh tế mới những năm 1958-1960. Với tùy bút này, bằng những chất liệu động và nóng, ngòi bút cực lạ Nguyễn Tuân đã lay con sông vô tri thức dậy, tưới linh hồn vào nó, để rồi ông khai sinh dòng sông nghệ thuật của mình bằng một cái tên đủ tính nết: *“hung bạo và trữ tình”* trong tương quan với người nghệ sĩ leo ghềnh vượt thác.

2. Hình tượng sông Đà:

Sông Đà được miêu tả như một sinh thể sống động, có diện mạo, tính nết thật thường như một con người: *“lắm chứng lắm bệnh, chốc dịu dàng đấy, rồi chốc lại bẳn tính và gắt gỏng thác lũ ngay đấy”*. Nó hiện lên trong tác phẩm với hai nét tính cách nổi bật: vừa hung bạo - dữ dội - hùng vĩ, vừa trữ tình - dịu dàng - nên thơ.

2.1/ Tính cách hung bạo, vẻ đẹp dữ dội, hùng vĩ của sông Đà:

- Khởi phát từ Vân Nam, Trung Quốc, sông Đà dài 910km. Trong đó có 500km nhập quốc tịch Việt Nam. Cửa sông ở ngã ba Hồng Đà (Tam Nông), tỉnh Phú Thọ.

- Trong thiên tùy bút, Nguyễn Tuân đã nói nhiều đến sự *“hung bạo”* của con sông Đà đầy đá nổi, đá chìm và thác dữ. Nhưng ông vẫn làm cho ta thấy, bên cạnh, và cả bên trong sự hung bạo ấy, hình ảnh con sông vẫn nổi bật lên như một biểu tượng về sức mạnh dữ dội và vẻ đẹp hùng vĩ của thiên nhiên đất nước. Với biệt tài sử dụng ngôn từ, ông đã tận dụng mọi cơ hội có thể phát huy đến tận cùng thế mạnh của mình, để buộc sự hung tợn mà kì vĩ của sông Đà phải sống dậy, phải hiện hình, phải gào thét lên trên những hàng chữ viết. Để đạt tới hiệu quả chỉ nghệ thuật mới có, ông đã rất công phu trong quan sát, tìm hiểu kĩ càng để nhận ra thật

đúng sự hung bạo ấy trên nhiều dạng vẻ, tìm cách diễn tả chính xác và sinh động, làm cho dòng sông hung bạo càng trở nên kì ảo và lí thú.

2.1a/ Vách thành:

Hùng vĩ của sông Đà là cảnh “*đá bờ sông dựng vách thành*” thẳng đứng, được đặc tả bằng một loạt các liên tưởng, so sánh cụ thể, độc đáo.

- Cả ngày mặt sông không có ánh nắng, “*chỉ lúc đứng ngó mới có mặt trời*”, gây ấn tượng độ cao hun hút của vách đá dựng đứng.

- Có chỗ vách đá chẹt lòng sông như “*cái yết hầu*”. Cách so sánh đó khắc đậm dòng chảy bị thu hẹp, hẹp đến nỗi “*con nai con hổ đã có lần vọt từ bờ này sang bờ kia*”.

- “*Ngồi trong khoang đò qua quãng ấy, đang mùa hè mà cũng thấy lạnh, cảm thấy mình như đứng ở hè một cái ngõ mà ngóng vọng lên một khung cửa sổ nào trên cái tầng nhà thứ mấy nào vừa tắt phụt đèn điện*”. Một cảnh tượng rất đổi hoang sơ đã được liên tưởng đến hình ảnh của chốn thị thành. Quả là cực lạ.

* **Tiểu kết:** Hẹp, sâu, độc thẳng đứng, tạo cảm giác rợn lạnh cho người đọc.

2.1b/ Âm thanh tiếng nước:

- Trên dòng sông có vô số thác, quanh năm suốt tháng “*nước xô đá, đá xô sóng, sóng xô gió, cuồn cuộn luồng gió gùn ghè suốt năm như lúc nào cũng đòi nợ xuýt bất cứ người lái đò sông Đà nào tóm được qua đấy*”. Sự phối hợp giữa gió và sóng và đá được diễn tả bằng câu văn ngắn, điệp từ, điệp cấu trúc làm tăng nhịp gấp gáp trong chuyển động của sóng của gió, tạo nên sức mạnh uy hiếp rợn người trên mặt ghềnh dài hàng cây số.

- Tả cái hút nước, Nguyễn Tuân viết: “*Nước ở đây thở và kêu như cửa cống cái bị sặc...Nước ặc ặc lên như vừa rót dầu sôi vào*”. Hai chữ “*ặc ặc*” mô phỏng rất tài thú âm thanh quái vật khiến sông Đà như một loài thủy quái không lồ bị bóp cổ, đang quằn quại chẳng khác gì một “*dòng nước hùm beo đang hồng hộc té*”. Và theo đó, từ trên trời cao nhìn xuống, Nguyễn Tuân cho rằng đó là một “*sợi dây thừng*” đầy hiểm họa.

- Tả cái thác nước, cảm quan Nguyễn Tuân không ngọt đỗi thay. Mới nghe oán trách nỉ non đã chuyển sang khiêu khích, chế nhạo, rồi đột ngột rống lên, thét gầm lên: “*Tiếng nước thác nghe như là oán trách gì, rồi lại như là van xin, rồi lại như là khiêu khích, giọng gằn mà chế nhạo. Thế rồi nó rống lên như tiếng một ngàn con trâu mộng đang lồng lộn giữa rừng vầu rừng tre nứa nổ lửa, đang phá tuông rừng lửa, rừng lửa cùng gầm thét với đàn trâu da cháy bùng bùng*”. Đúng là một cảnh tượng man rợ như thời tiền sử. Người đọc đã cảm nhận được cái chất chính trị trong chiến thuật tấn công ông lái đò. Đồng thời, người đọc cũng đã liên tưởng các âm thanh nối nhau theo ba chặng: một là Tiếng thác “rống lên”- hai là Tiếng trâu mộng “lồng lộn”- ba là Tiếng rừng lửa “gầm thét”. Liên tưởng của Nguyễn Tuân rất lạ: âm thanh thác được động vật hóa thành tiếng gầm của trâu mộng, cao tay nhất là **lấy thác(thủy) so sánh với lửa (hỏa)**, gây cảm hứng thẩm mĩ bất ngờ. Từ đó mới thấy sức mạnh hoang dã của thiên nhiên dưới ngòi bút Nguyễn Tuân cứ như một trận động rừng, động đất hay nạn núi lửa thời xa xưa.

* **Tiểu kết:** Câu văn có kết cấu trùng điệp, liên hoàn, nhịp ngắn, tạo giọng văn dồn dập, gấp gáp, căng thẳng. Từ ngữ cực tả trạng thái dữ dội, gây ấn tượng hãi hùng, rùng rợn và sức tàn phá khủng khiếp.

2.1c/ Hút nước:

- Những cái hút nước nguy hiểm giống như *“cái giếng bê tông thả xuống sông để chuẩn bị làm móng cầu”*. *“Có những thuyền đã bị cái hút nó hút xuống, thuyền trồng ngay cây chuối ngược rồi vụt biến đi, bị dìm và đi ngầm dưới lòng sông đến mười phút sau mới thấy tan xác ở khuỷnh sông dưới”*. Thật dữ dội, khủng khiếp.

- Từ đáy cái hút nhìn ngược lên, *“thành giếng xây toàn bằng nước sông xanh ve một áng thủy tinh khối đúc dày, khối pha lê xanh”* như *“cái cốc pha lê nước khổng lồ”*. Nguyễn Tuân đã kết hợp thủ pháp của văn học và thủ pháp của điện ảnh để đặc tả cái hút nước sông Đà vừa sâu, vừa sáng, vừa xanh trong thăm thẳm, truyền đến độc giả cảm giác chân thực, sống động như tận mắt chứng kiến. Sông Đà không chỉ hung bạo mà còn nên thơ một cách hùng vĩ.

2.1d/ Thạch trận:

Thạch trận không chỉ có vẻ hung hãn, dữ dằn của vách đá, hút nước mà còn bộc lộ bản chất nham hiểm, xảo quyệt.

Tác giả đã dựng đá thành người bằng nhiều so sánh đặc sắc. *“Đá to đá bé”* đứng, ngồi, nằm, nghiêng với những nhiệm vụ riêng. Chúng bày sẵn thạch trận thành ba tuyến nhằm tước đoạt và hủy diệt đến cùng sự sống của con người. Chúng giở mọi thủ đoạn, mưu ma chước quỷ để dẫn dụ, phục kích với binh pháp của *“thần sông thần đá”*.

- Chúng chọn khúc ngoặt - khi tầm nhìn bị hạn chế để *“mai phục”*, chờ có thuyền nào nhô vào thì *“nhóm cả dậy để vồ lấy thuyền”*. Mặt hòn đá nào cũng *“ngõ ngược”*, *“nhấn nhúm méo mó”*.

- Chúng dụ người vào sâu thế trận, đánh quật *“vu hồi”* để cô lập hóa, chặn mọi đường sinh.

- Khi giáp lá cà, chúng giở mọi ngón đòn hiểm ác. *“Nước thác reo hò làm thanh viện cho đá”*, uy hiếp đối phương. *“Một hòn ấy trông nghiêng thì y như là đang hát hàm hỏi cái thuyền phải xưng tên tuổi trước khi giao chiến. Một hòn khác lùi lại một chút và thách thức cái thuyền có giỏi thì tiến gần vào”*. Trong công thức so sánh A=B, cái độc lạ của Nguyễn Tuân chủ yếu tỏa sắc ở B. Trong hai câu văn trên, hai chữ *“hát hàm”*, *“thách thức”* mang đến cho đá một năng lượng sống, đủ khả năng truyền hồn vào đá vô tri, dọi một cái nhìn đậm tính điêu khắc vào thói du côn của thiên nhiên man dại. Chúng là *“quân liều mạng”*, luôn tìm cách *“đá trái”*, *“thúc gối”*, *“đội cả thuyền lên”*, *“bám lấy thuyền như đồ vật túm thắt lưng ông đồ đòi lật ngửa mình ra giữa trận nước vang trời thanh la náo bập”*. Chúng luôn đánh những *“miếng đòn hiểm độc nhất”* để cướp đi sinh mạng của ông lái đò.

* **Tiểu kết:** Nguyễn Tuân đã sử dụng thuật ngữ, hệ thống từ vựng của nhiều ngành khoa học, nghệ thuật khác nhau (quân sự, võ thuật, thể thao...) để diễn tả tính chất của cuộc đấu tranh quyết liệt, căng thẳng, một mất một còn giữa con người với tự nhiên. Qua đó, ta thấy được bản chất của sông Đà vừa *“khắc nghiệt như dì ghẻ, chúa đất”*, vừa hùng vĩ dữ dội. Sông Đà mang *“diện mạo và tâm địa một thứ kẻ thù số một”*, nó là một thách thức đối với con người, gọi ham muốn chinh phục, khám phá, chế ngự.

= **Sơ kết:** Thần thoại “*Sơn Tinh, Thủy Tinh*” lí giải cái hung bạo, khắc nghiệt của sông Đà bằng tư duy thần thoại cổ sơ: “*Núi cao sông hãy còn dài - Năm năm báo oán đời đời đánh ghen*”(ca dao). Nguyễn Tuân lại dựng lên vẻ đẹp dữ dội, hung bạo, hùng vĩ của sông Đà bằng những trang văn cụ thể, chân xác, giàu liên tưởng.

2.2/ Vẻ đẹp nên thơ và trữ tình của sông Đà:

Con sông hung bạo kia cũng có lúc là con sông rất đổi trữ tình. Con quái vật biến mất, nhường chỗ cho một nàng tiên giáng thế, tình tứ và dịu dàng xiết bao. Nhà văn đã tâm đắc khi miêu tả sông Đà với những nanh vuốt nơi mặt ghềnh, nơi hút nước, nơi thạch trận bao nhiêu thì nhà văn lại càng tâm đắc hơn, say mê hơn khi dành cho Đà giang trữ tình những lối so sánh dịu hiền.

Vẻ đẹp trữ tình, nên thơ của sông Đà tập trung ở khúc hạ lưu, khi “*sông nước lại thanh bình*”. Dòng chảy êm, phẳng, rộng là nét tính cách tương phản với sự hung bạo được miêu tả cụ thể, chân thực bằng rất nhiều hình ảnh gợi cảm từ điểm nhìn động: nhìn từ trên cao, xa – nhìn theo mùa – nhìn khi ngồi thuyền đi trên mặt sông.

2.2a/ Nhìn từ trên cao, xa:

- “*Từ trên tàu bay mà nhìn xuống, không ai trong tàu bay nghĩ rằng cái dây thừng ngoằn ngoèo dưới chân mình kia lại chính là con sông hàng năm và đời đời kiếp kiếp làm mình làm mẩy với con người Tây Bắc... Cũng không ai nghĩ rằng đó là con sông của câu đồng dao thần thoại Sơn Tinh Thủy Tinh “Núi cao sông hãy còn dài - Năm năm báo oán đời đời đánh ghen”.*

- Từ trên tàu bay nhìn xuống, nhà văn thấy dòng sông như một áng tóc trữ tình của người thiếu nữ kiều diễm: “*Con sông Đã tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói núi Mèo đốt nương xuân*”. Quả là một vẻ đẹp duyên dáng, thơ mộng, e ấp như mang cả hương thơm quyến rũ của núi rừng - áng tóc thơm hương hoa ban, hoa gạo.

2.2b/ Nhìn theo mùa:

Sông Đà mang dấu ấn của bước thời gian:

- “*Mùa xuân dòng xanh ngọc bích, chứ nước sông Đà không xanh màu xanh canh hến của sông Gấm sông Lô*”.

- “*Mùa thu nước sông Đà lừ lừ chín đỏ như da mặt một người bầm đi vì rượu bữa, lừ lừ cái màu đỏ giận dữ ở một người bất mãn bực bội gì mỗi độ thu về*”.

- Sông Đà gợi cảm được nhà văn cảm nhận trên tư cách một “*cố nhân*” lâu ngày gặp lại.

- Nhìn ánh nắng phản quang từ mặt nước sông Đà, nhà văn thấy “*lóa lên một màu nắng tháng ba Đường thi*” trong thơ Lí Bạch: “*Yên hoa tam nguyệt há Dương Châu*”. Nắng sông Đà như ngâm thơ, ngâm hoa.

- “*Chao ôi, trông con sông, vui như thấy nắng giòn tan sau kì mưa dầm, vui như nổi lại chiêm bao đứt quãng*”. Sông Đà như mơ ước của con người.

***Tiểu kết:** Nhà văn đã thể hiện khả năng quan sát tinh tế, sử dụng ngôn ngữ theo hướng cá thể hóa cao độ nhờ cảm quan tinh tế, nhạy cảm và những so sánh độc đáo, chân xác.

2.2c/ Nhìn khi ngồi thuyền đi trên mặt sông:

- Đoạn văn cuối của đoạn trích (*Thuyền tôi trôi trên sông Đà... trên dòng trên*) chủ yếu được ngắt theo nhịp dài với thanh bằng là chủ đạo. Đây là một dòng chảy trữ tình mang dáng dấp của “*một người tình chưa quen biết*” với “*sông Đà bọt nước lành bênh - bao nhiêu cảnh bấy nhiêu tình*” (Tản Đà).

- Nhà văn đã dùng động để tả tĩnh: “*Con hươu vĩnh tại nhìn tôi không chớp mắt*”, “*thuyền tôi trôi trên sông Đà*”, “*tiếng còi sương*”, “*đàn cá dầm xanh quẫy vọt lên mặt sông*”, “*tiếng cá đập nước sông đuổi mắt đàn hươu vọt biến*”... Tất cả hợp lại làm nổi bật cái thanh tịnh tuyệt cùng “*lặng lẽ*” của bờ bãi sông Đà.

- Những hình ảnh đẹp, trong trẻo, thanh khiết làm xao xuyến lòng người theo sự liên tưởng giàu chất thơ: “*Lá ngô non đầu mùa*”, “*cỏ gianh đồi núi đang ra những nõn búp*”, “*con hươu thơ ngộ ngẩng đầu nhung khỏi áng cỏ sương*”. Quả là tinh khôi, tinh khiết, động hương sữa ngào ngạt, non tơ.

- “*Tiếng còi sương*” trong tiếng nói riêng của con vật lành: “*Hỡi ông khách sông Đà, có phải ông cũng vừa nghe thấy một tiếng còi sương?*” là âm thanh trong tâm tưởng, dội về từ quá khứ và hướng đến tương lai. Đây là chi tiết độc đáo, diễn tả sâu sắc cái yên lặng khôn cùng của bờ sông. Bờ sông tĩnh đến mức người và vật giao cảm để lắng tìm âm thanh tự tâm hồn, tự thời gian thăm thẳm.

- “*Bờ sông hoang dại như một bờ tiền sử. Bờ sông hồn nhiên như một nỗi niềm cổ tích tuổi xưa*”. Tuy không cụ thể, không xác định nhưng giàu sức gợi, gợi về quá khứ, gợi trăm năm cổ tích, khơi lại những trầm tích tâm hồn người Việt trong những trang viết cổ sơ. Chính nhà văn đã lấy những giá trị văn hóa truyền thống để so sánh nhằm vĩnh viễn hóa bờ bãi sông Đà.

= Sơ kết hình tượng sông Đà:

+ Ngòi bút tài hoa và biến hóa của Nguyễn Tuân đã thổi linh hồn cho sông Đà, để vật thể vô tri hiện lên với những tính cách đối nghịch mà thống nhất.

+ Sông Đà hiện lên với hai vẻ đẹp: vừa dữ dội, hung bạo, hùng vĩ, vừa dịu dàng, trữ tình nên thơ. Nó là nguồn cảm hứng vô tận cho nghệ thuật.

+ Nét tài hoa, uyên bác của Nguyễn Tuân đã được thể hiện trong nhìn nhận, khám phá, miêu tả thiên nhiên.

3. Hình tượng người lái đò:

Sông Đà góc cạnh đến thế đòi hỏi Nguyễn Tuân phải cho ra một nhân vật tương xứng cỡ ông lái đò. Những nét đậm tô của Nguyễn Tuân về sông Đà chẳng qua là để tạo phong nhằm tôn vinh người lái đò tài hoa, trí dũng.

3.1/ Lai lịch, ngoại hình:

- **Lai lịch:** Làm nghề chõ dò dọc suốt mười năm liền, nghỉ làm nghề đã đôi chục năm nay, quê ông ở ngay chỗ ngã tư sông sát tỉnh Lai Châu.

- **Ngoại hình:** Tuổi đã 70 nhưng rất còn trẻ tráng. “*Tay ông lêu nghêu như cái sào, chân ông lúc nào cũng khuyên khuyên gò lại như kẹp lấy một cái cuống lái tưởng tượng, giọng ông ào ào như tiếng nước trước mặt ghềnh, nhõn giời ông vọi vọi như lúc nào cũng mong một cái bến xa nào đó trong sương mù*”, “*cái đầu bạc... quắc thước*”, “*thân hình cao to và gọn quánh như chất sừng, chất mun*”, khuôn mặt ông he hé một nửa miệng cười”.

3.2/ Tài năng:

Ông nhớ tỉ mỉ như đóng đĩnh vào lòng tất cả các con thác, “*nắm chắc binh pháp của thần sông thần đá, thuộc qui luật phục kích của lũ đá nơi ải nước hiểm trở này*”. Ông có thể kể tên vanh vách 73 con thác lớn nhỏ dọc sông từ biên giới Việt-Trung chỗ Lai Châu về đến chợ Bờ, Hòa Bình. Điều này hé mở một ý vị triết học sâu xa: trong cuộc chiến đấu một mất một còn với kẻ thù, con người am hiểu và làm chủ qui luật là con người tự do, dầu đó là qui luật khắc nghiệt, chỉ cần một chút lơ tay, do dự, mất bình tĩnh là có thể trả giá bằng cái chết.

3.3/ Giao tranh với thạch trận:

Người xưa thường nói: *cưỡi cơn gió mạnh, đạp ngọn sóng dữ, chém cá kình ở biển Đông...* là biểu tượng của hành động anh hùng. Ở trong bài tùy bút này, dưới ngòi bút Nguyễn Tuân, ông lái đò cũng là một người anh hùng đang cưỡi sóng, đạp gió theo cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Thể hiện ý tưởng đó, nhà văn đã dựng công miêu tả một cuộc chiến quyết liệt, gay gắt, căng thẳng giữa ông lái đò với thạch trận sông Đà bằng bút pháp tương phản theo hướng:

- Thoạt đầu, thế và lực của hai bên không cân sức. Quanh con người đơn độc, một “*trùng vi thạch trận*” của đá sông Đà với “*đá to đá bé*”, đá hậu, đá tướng, đá tiên vệ, với “*đám tảng đám hòn*” đông đảo, dữ dằn, hung hãn chia làm ba hàng chặn ngang trên sông, giăng sẵn trận đồ bát quái ba trùng vi với tập đoàn cửa sinh cửa tử, hệ thống boongke, pháo đài đá chìm đá nổi, lộ diện hay dấu mặt để “*đòi ăn chết cái thuyền*”. Các viên tướng đá, lính đá, đưa thì nhe nanh hù dọa, đưa thì ẩn nấp mai phục nơi hiểm yếu, đưa thì có vẻ hiền lành nhưng thực tâm là cố nhử con đò độc mộc, mong manh. Phối hợp với đá là thác, “*mặt nước hò la vang dậy (...)* ủa vào mà bể gãy cán chèo... *Sóng nước như thể quân liều mạng vào sát nách mà đá trái mà thúc gối vào bụng và hông thuyền*” để hòng đội thuyền lên và lật ngửa mình thuyền ra giữa “*vang trời thanh la nổi*”. Các luồng sóng thì thi nhau “*đánh hồi lùng, đánh đòn tía, đánh đòn âm*” vào chỗ hiểm độc nhất nhằm nốc ao đối phương.

Vậy mà, như một đại tướng lão luyện, dày dạn kinh nghiệm trận mạc, ông đò tuy mặt “*méo bệch đi do cổ nén vết thương*” (chữ *méo bệch* – không phải *méo xệch*- được dùng thật đắt, thật hay bởi nó thể hiện được cái đau đớn do sự tàn bạo của *dòng nước hùng beo* đến mức làm bọt bọt cả sắc mặt người), nhưng vẫn “*hai tay giữ mái chèo*”, “*hai chân vẫn kẹp chặt lấy cuống lái*”, “*chỉ huy ngắn gọn tỉnh táo*” sáu tay chèo xem ra ít ỏi và đã cạn kiệt sức lực. “*Không một phút nghỉ tay nghỉ mắt*”, ông đò bình tĩnh, luôn đổi chiến thuật, tiến vào trận địa. Ông “*cười lên thác (...)* như là *cười hổ*”, lần lượt vượt qua từng trùng vây. Khi “*nắm chặt lấy được cái bờm sóng đúng luồng rồi, ông đò ghì cương lái, bám chắc lấy luồng nước đúng mà phóng nhanh vào cửa sinh, mà lái miết một đường chéo về phía cửa đá ấy*”.

-Nhưng bốn năm bọn thủy quân nơi cửa ải nước quyết không buông tha, chúng liền xô ra níu thuyền lôi vào cửa tử. Thế là ông đã chống trả một cách thành thạo, chuẩn xác, dũng mãnh

trong từng động tác: “đưa thì ông tránh mà rảo bơi chèo lên, đưa thì ông dè sấn lên mà chặt đôi ra để mở đường tiến” để “thuyền vút qua cổng đá cánh mở cánh khép(...) như một mũi tên tre xuyên nhanh qua hơi nước, vừa xuyên vừa tự động lái được lượn được” để “sông nước lại thanh bình”.

- Bằng nhịp văn gấp gáp, hơi văn căng thẳng, câu văn dồn dập, Nguyễn Tuân đã tái hiện không khí giao tranh quyết liệt, một sống một chết giữa hai lực lượng tương phản: một bên là thiên nhiên – thác đá sông Đà bạo liệt, hung tàn, sức mạnh vô song, một bên là con người – ông lái đò bé nhỏ, cạn kiệt sức lực để nhân mạnh bản lĩnh, sự dũng cảm và khả năng chinh phục tự nhiên của con người.

- Bằng sự kết hợp kiến thức uyên bác của nhiều lĩnh vực: võ thuật, thể thao, quân sự... và trí tưởng tượng phong phú, cùng kho chữ nghĩa giàu có, tài hoa, Nguyễn Tuân đã cố ý tạo ra cảm giác lạ, tác động mạnh vào tâm lí và nhận thức của người đọc, biến câu chuyện bình thường thành bản trường ca về người anh hùng lao động – nghệ sĩ lái đò trong nghệ thuật vượt thác, làm chủ thiên nhiên. Ông đò vừa là một dũng sĩ vừa là một “*tay lái hoa*”, mang vẻ đẹp của “*chất vàng mười*” trong tâm hồn của những người dân lao động Tây Bắc. Họ là những người biết ứng xử đẹp với cái đẹp để sáng tạo ra cái đẹp không chỉ bằng tài trí, nhiệt huyết dựng xây đất nước mà còn bằng những thú vui bình dị, tao nhã như thưởng thức hương cuội, uống trà trong sương sớm, đốt lửa trong hang, nướng ống cơm lam, bàn về các hầm cá, các loài cá dầm xanh, cá anh vũ, tuyệt đối không hề bàn đến những chiến công sau những lần giao chiến với thần sông thần đá... khi sông nước bình yên. Thế mới biết, họ là những con người bình dị, chơn chất, không màng danh vọng giữa cuộc đời. Đó cũng là nét đẹp nhất trong cảm hứng lãng mạn đầy tính nhân bản của Nguyễn Tuân thể hiện trong thiên tùy bút có một không hai này.

III. Kết bài:

“*Người lái đò sông Đà*” là tòa lâu đài chữ nghĩa, là bể thẳm tâm hồn. Qua đó, Nguyễn Tuân rất xứng đáng là đỉnh cao của tùy bút Việt Nam. Bằng ngòi bút tài hoa cực lạ, ông đã thể hiện một cách đầy sức thuyết phục về trách nhiệm của một công dân trước một nước Việt Nam mới – một nước đang cần những bàn tay xây dựng để có được màu xanh hạnh phúc, màu vàng vinh quang. Đáng trân trọng thay con người Nguyễn Tuân khi mà cái dự cảm của ông từ năm 1960 trong tác phẩm đã thành hiện thực nguồn thủy điện sông Đà hôm nay (khởi công xây dựng năm 1979). Xin mượn câu văn mang tâm lòng của ông để làm tâm lòng của chúng ta đối với ông, đối với quê hương: “*Nói chuyện với người lái đò, như càng lai láng thêm cái lòng muốn đề thơ vào sông nước*”.

D. MỘT SỐ ĐỀ LUYỆN TẬP

I. CÁC ĐỀ TUYỂN SINH ĐH-CD BỘ GD&ĐT ĐÃ RA TỪ 2002 ĐẾN 2013:

1. Đề tuyển sinh ĐH,CD năm 2003-khối C(5 điểm):

Phân tích hình tượng ông lái đò ở tác phẩm *Người lái đò sông Đà* để làm rõ những nét độc đáo trong cách miêu tả nhân vật của Nguyễn Tuân

2. Đề tuyển sinh ĐH,CD năm 2004-khối D(2 điểm):

Anh/chị hãy nêu những nét chính trong sự nghiệp văn học của Nguyễn Tuân.

3. Đề tuyển sinh ĐH, năm 2010-khối C (5 điểm):

Cảm nhận của anh chị về hai đoạn văn sau:

(...) Con sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói núi Mèo đốt nương xuân. Tôi đã nhìn say sưa làn mây mùa xuân bay trên Sông Đà, tôi đã xuyên qua đám mây mùa thu mà nhìn xuống dòng nước Sông Đà. Mùa xuân dòng xanh ngọc bích, chứ nước Sông Đà không xanh màu xanh canh hến của Sông Gám, Sông Lô. Mùa thu nước Sông Đà lừ lừ chín đỏ như da mặt người bầm đi vì rượu bữa, lừ lừ cái màu đỏ giận dữ ở một người bất mãn bực bội gì mỗi độ thu về (...)

(Người lái đò Sông Đà-Nguyễn Tuân)

(...) Từ Tuần về đây, sông Hương vẫn đi trong dư vang của Trường Sơn, vượt qua một lòng vực sâu dưới chân núi Ngọc Trản để sắc nước trở nên xanh thẳm, và từ đó nó trôi đi giữa hai dãy đồi sừng sững như thành quách, với những điểm cao đột ngột như Vọng Cảnh, Tam Thai, Lựu Bảo mà từ đó, người ta luôn luôn nhìn thấy dòng sông mềm như tấm lụa, với những chiếc thuyền xuôi ngược chỉ bé vừa bằng con thoi. Những ngọn đồi này tạo nên những mảng phản quang nhiều màu sắc trên nền trời tây nam thành phố, “sớm xanh, trưa vàng, chiều tím” như người Huế thường miêu tả (...)

(Ai đã đặt tên cho dòng sông?-Hoàng Phủ Ngọc Tường)

4. Đề tuyển sinh ĐH, năm 2013-khối D(2 điểm):

Trong tùy bút *Người lái đò sông Đà* (*Ngữ văn 12*, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2013), Nguyễn Tuân từng nhìn “Sông Đà như một cố nhân”.

Người “cố nhân” ấy có tính nết như thế nào? Cách ví von này có ý nghĩa gì?

II. MỘT SỐ ĐỀ LUYỆN TẬP KHÁC:

5. Tại sao người ta cho rằng: Cái tôi của Nguyễn Tuân chính là một định nghĩa về người nghệ sĩ ?

*Hướng dẫn giải quyết đề 5:

-Nghệ sĩ:

+ Là người sống sâu với cuộc đời (yêu đời, gắn bó, am hiểu tường tận về cuộc đời).

+ Là người có trí tưởng tượng phong phú (để hư cấu, xây dựng hình tượng trong tác phẩm).

+ Là người có tài năng sáng tạo giỏi (viết ra tác phẩm mới lạ, hay).

- Nguyễn Tuân là một nhà văn hội đủ ba yếu tố trên:

+ Ông là một trí thức yêu nước, có tinh thần dân tộc, tài hoa, uyên bác.

+ Ông có khả năng liên tưởng mạnh, so sánh mới lạ, xây dựng được nhiều hình tượng sinh động, hấp dẫn.

+ Ông tạo ra những trang văn, tờ hoa độc đáo bằng thể loại tùy bút trước và sau cách mạng tháng Tám.

- Chính vì thế mà người đời nói: Cái tôi Nguyễn Tuân chính là một định nghĩa về người nghệ sĩ.

6. Cảm nhận của anh(chị) về cái tài và cái tâm của Nguyễn Tuân thể hiện qua hai kiệt tác của hai chặng đường sáng tạo: truyện ngắn “*Chữ người tử tù*” (1939) và tùy bút “*Người lái đò sông Đà*” (1960).

***Hướng dẫn giải quyết đề 6:**

Ý 1: Cái tài và cái tâm của Nguyễn Tuân:

+**Cái tài:** kiến thức sâu rộng về nhiều lĩnh vực, trí tưởng tượng phong phú, chữ nghĩa giàu có, có khả năng khơi gợi cảm giác mạnh, lời văn khi đỉnh đặc, cổ kính, khi trẻ trung, hiện đại, viết được những trang văn, từ hoa mới mẻ, độc đáo, có giá trị bất hủ.

+**Cái tâm:** Trí thức yêu nước, giàu tinh thần dân tộc, luôn nhìn đối tượng trên phương diện văn hóa, mỹ thuật, luôn săn tìm, tôn vinh cái đẹp phi thường, tuyệt mỹ.

Ý 2: Trong hai kiệt tác: truyện ngắn “*Chữ người tử tù*” (1939) và tùy bút “*Người lái đò sông Đà*” (1960) của hai chặng đường sáng tạo, cái tài và cái tâm của Nguyễn Tuân có sự nhất quán mặc dù nội dung của hai tác phẩm khác nhau.

+Ở *Chữ người tử tù*:

-Ngợi ca nhân vật Huân Cao, một danh sĩ văn võ song toàn, tài hoa-khí phách (*có tài viết chữ thư pháp, thủ lĩnh các cuộc khởi nghĩa chống lại triều đình*), khẳng định “Mĩ Dũng hài hòa -Thiên lương chói lọi” sẽ là sức mạnh để chiến thắng cái ác. Qua đó, Nguyễn Tuân thể hiện lòng yêu nước thâm kín của mình trong hoàn cảnh thực dân Pháp đang xâm lược nước ta.

-Cảnh tượng phi thường, gây cảm giác mạnh(*cảnh cho chữ- cảnh tượng xưa nay chưa từng có*).

-Giọng văn đỉnh đặc, cổ kính, hợp với vẻ đẹp vang bóng một thời.

-v.v...

+Ở *Người lái đò sông Đà*:

-Ngợi ca vẻ đẹp thiên nhiên, đất nước qua hình tượng sông Đà (*vẻ đẹp hùng vĩ, thơ mộng*), , ngợi ca con người Tây Bắc, con người Việt Nam qua hình tượng người lái đò sông Đà (*người lao động vô danh trí dũng, tài hoa*). Qua đó, thể hiện lòng yêu nước của Nguyễn Tuân trong công cuộc dựng xây đất nước sau chiến tranh.

-Cảnh tượng phi thường, gây cảm giác mạnh(*sông Đà hung bạo, sông Đà trữ tình, cuộc giao chiến giữa ông đò với thạch trận*).

-Giọng văn linh hoạt, khi dồn dập, gắt, mạnh; khi khoan thai, dịu dàng; khi trẻ trung, hiện đại; khi trầm lắng, cổ kính;

-v.v...

7. Có người gọi Nguyễn Tuân là nhà đúc chữ. Riêng ông lại cho mình là cây độc huyền cầm trong văn học Việt Nam. Anh(chị) hãy giải thích và làm sáng tỏ ý kiến trên qua tác phẩm của Nguyễn Tuân.

***Hướng dẫn giải quyết đề 7:**

-**Nhà đúc chữ:** khái niệm dùng để chỉ người sản xuất chữ theo một khuôn mẫu có sẵn. Nếu thế thì không đúng với thiên chức sáng tạo của người nghệ sĩ, vì đã là nghệ sĩ thì phải sáng tạo.

-Với Nguyễn Tuân, ông có chủ trương chơi nghệ bằng văn chương. Trong cuộc đời cầm bút, Ông luôn băn khoăn: viết là phải viết cái gì cho khác lạ (lạ đề tài, kết cấu, nhân vật, lạ cách dùng từ, đặt câu, hành văn, lạ hình ảnh, ...). Do vậy, văn ông là văn của một trí thức yêu nước, giàu tinh thần dân tộc, có ý thức cá nhân phát triển mạnh mẽ, muốn khoe tài hoa, uyên bác, luôn thay đổi thực đơn cảm giác cho người đọc, mà trước hết là cho chính ông – một con

người có ý thức quý trọng nghề văn, một con người luôn quan niệm: viết trước hết là để khẳng định cá tính độc đáo của mình, để chơi văn một cách độc đáo, đẩy việc chơi đến đỉnh cao nghệ thuật;

- Chính vì thế mà Nguyễn Tuân không bằng lòng khái niệm “*Nhà đức chữ*” mà một số người đã dùng để tôn vinh ông. Ông ví ông là *cây độc huyền cầm trong văn học Việt Nam*, vì độc huyền cầm là một nhạc cụ dân tộc, chỉ có một dây đàn - không như các loại đàn khác - nhưng lại rất độc đáo, giàu giai điệu.

- Qua tác phẩm của Nguyễn Tuân (tùy bút *Người lái đò sông Đà*, truyện ngắn *Chữ người tử tù*), chúng ta thấy được phong cách nghệ thuật của ông rất Nguyễn Tuân, rất độc đáo, không giống ai (*Tài hoa, uyên bác - Hứng thú đặc biệt trước những cảnh tượng gây ấn tượng mạnh với giác quan nghệ sĩ - Giàu có về chữ nghĩa*)

(Xem lại nội dung **Phong cách nghệ thuật Nguyễn Tuân** ở trang 3-4, vận dụng kiến thức chung về hai tác phẩm *Chữ người tử tù* và *Người lái đò sông Đà* để chứng minh)

8. Bình giảng đoạn văn: “*Thuyền tôi trôi trên sông Đà...trên dòng trên*”.

(Đề thi học sinh giỏi của Tỉnh Thừa Thiên Huế)

9. Một trong những nét phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân là nhìn con người ở phương diện tài hoa nghệ sĩ.

Anh(Chị) hãy phân tích hình tượng người lái đò trong tùy bút “*Người lái đò sông Đà*” để làm sáng tỏ nhận định trên.

10. Phân tích nhân vật ông đò trong “*Người lái đò sông Đà*” của Nguyễn Tuân. So sánh vẻ đẹp của ông đò với vẻ đẹp của Huân Cao trong “*Chữ người tử tù*” để thấy được sự thống nhất và khác biệt trong cách nhìn về con người của Nguyễn Tuân trước và sau Cách mạng tháng Tám.

11. “*Phong cảnh Tây Bắc dưới ngòi bút của Nguyễn Tuân vừa hùng vĩ uy nghiêm, vừa tuyệt vời thơ mộng*” (Sách VH12, tập 1, NXB GD 2000), trang 168).

Anh(chị) hãy phân tích hình tượng con sông Đà trong tùy bút “*Người lái đò sông Đà*” của Nguyễn Tuân để làm sáng tỏ nhận xét trên.

12. Trình bày những nét chính về đặc điểm con người Nguyễn Tuân.

13. Trình bày những nét chính về phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân.

14. Phân tích vẻ đẹp hình tượng sông Đà.

15. Phân tích vẻ đẹp hình tượng người lái đò sông Đà.

16. Dấu ấn phong cách Nguyễn Tuân trong “*Người lái đò sông Đà*”.
